TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 01 – 2024.
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**.

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Sơn Thanh Huyền**.

Bà **Nguyễn Thị Hồng Diễm.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Triệu Thị Ngọc Châu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 456/2023/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 252/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trương Thị L**, sinh năm: 1973 (Có mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H,** sinh năm: 1973 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 26/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị L trình bày*:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H do quen biết, tự nguyện tìm hiểu nhau, có tổ chức đám cưới vào năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Sau ngày cưới chị L và anh H sống tại ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì chị L và anh H phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vả với nhau, được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẩn vợ chồng ngày càng

trầm trọng dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được.

Hiện nay chị L và anh H đã không còn sống chung từ tháng 01/2020 cho đến nay.

Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Phúc T, sinh ngày 23/6/2000 và Nguyễn Phúc K, sinh ngày 07/4/2004, hiện nay hai cháu Phúc T và Phúc K đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Trương Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Trương Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày*:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H thống nhất theo lời trình bày của chị Trương Thị L về quá trình hình thành hôn nhân.

Hiện nay anh H và chị L vẫn sống hạnh phúc, trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng không phát sinh mâu thuẩn gì nghiêm trọng dẫn đến chị L phải yêu cầu ly hôn. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị L thì anh H không đồng ý, anh H muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ vì anh vẫn còn thương vợ con.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Phúc T, sinh ngày 23/6/2000 và Nguyễn Phúc K, sinh ngày 07/4/2004, hiện nay hai cháu Phúc T và Phúc K đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trương Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn H. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị L và anh H do quen biết rồi đi đến hôn nhân nhưng anh chị không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nên không công nhận anh chị là vợ chồng.

[4] *Về con chung*: Chị L và anh H thống nhất xác định có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Phúc T, sinh ngày 23/6/2000 và Nguyễn Phúc K, sinh ngày 07/4/2004, hiện nay hai cháu Phúc T và Phúc K đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả*: Chị Trương Thị L và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Án phí sơ thẩm*: Chị Trương Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14; Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**** Tuyên xử:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận chị Trương Thị L và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.

- *Về con chung*: Chị Trương Thị L và anh Nguyễn Văn H thống nhất xác định có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Phúc T, sinh ngày 23/6/2000 và Nguyễn Phúc K, sinh ngày 07/4/2004, hiện nay hai cháu Phúc T và Phúc K đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả*: Chị Trương Thị L và anhNguyễn Văn H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Án phí sơ thẩm*: Buộc chị Trương Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0} 0008313 ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Trương Thị L đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Anh Nguyễn Văn H không phải nộp tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA tỉnh V;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu.

Huỳnh Văn Vui

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TA tỉnh V;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu. **Huỳnh Văn Vui**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TA tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Hiếu Phụng;
- Các đương sự;
- Lưu. **Nguyễn Thị Quế Hương**

Nghị án kết thúc vào hồi……giờ…..phút, ngày……tháng….năm……

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Ẩn